

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH V**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số:07/2020/DS-ST  
Ngày 10 tháng 9 năm 2020  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Ngô Thị Minh Hiệp

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trung Thành  
Ông Nguyễn Văn Sâm.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Hoàng Quốc Khánh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên toà:** Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: số 02 Láng Hạ, phường Láng Hạ quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp Luật: Ông Tiết Văn Th - Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đăng Kh - Phó giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện L, tỉnh V.

- Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Công H - Giám đốc phòng giao dịch Triệu Đề, chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam huyện L (có mặt).

*Bị đơn:* 1. Anh Triệu Văn T, sinh năm 1986, vắng mặt

2. Chị Triệu Thị D, sinh năm 1986, vắng mặt

3. Ông Triệu Văn M, sinh năm 1965, vắng mặt

4. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1966, vắng mặt

Đều cư trú: Thôn Đ, xã Tr, huyện L, tỉnh V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Triệu Văn T, sinh năm 1988, vắng mặt.

Chị Phùng Thị Th, sinh năm 1986, vắng mặt

Đều cư trú: Thôn Đ, xã Tr, huyện L, tỉnh V.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2020 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Công H trình bày:

Ngày 21/12/2018 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Viết tắt Agribank) - phòng giao dịch Tr, chi nhánh huyện L, tỉnh V đã ký hợp đồng tín dụng số 2808- LAV - 201804851 với anh Triệu Văn T (Bà Bùi Thị T, ông Triệu Văn M, chị Triệu Thị D ủy quyền cho anh Triệu Văn T đứng ra ký kết hợp đồng tín dụng). Theo đó, Ngân hàng cho anh T vay số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), mục đích sử dụng tiền vay: Chăn nuôi bò, lợn; phương thức cho vay: Hạn mức tín dụng hộ gia đình; lãi suất cho vay: 11%/năm trên nợ gốc, lãi suất quá hạn tối đa bằng: 150% so với lãi suất vay, thời hạn trả lãi 03 tháng/lần vào ngày 12, thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày 21/12/2018 đến ngày 21/12/2019.

Hợp đồng tín dụng này được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp tài sản số: 273966170/HĐTC/2017 ngày 12/12/2017 và phụ lục hợp đồng thế chấp số: 273966170/PLHĐTC/2018 ngày 19/12/2018, tài sản thế chấp là: Thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10; diện tích 602m<sup>2</sup> cùng tài sản gắn liền với đất: 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 80m<sup>2</sup>, xây dựng năm 2009, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số U492028 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh V cấp ngày 24/6/2002 đứng tên hộ ông Triệu Văn M, địa chỉ: Khu 10, xã Tr, huyện L, tỉnh V.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã giải ngân cho anh T số tiền: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng anh Triệu Văn T đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng, không trả được lãi và gốc khi đến hạn. Khoản vay của anh Triệu Văn T đã chuyển nợ quá hạn từ thời điểm: 22/12/2019. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, làm việc với anh T nhưng anh T đã không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ lãi và trả gốc theo cam kết với Ngân hàng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh T đã thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/9/2020 số tiền gốc là: 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), số tiền lãi là: 11.478.082 đồng. Nay ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh T, chị D, ông M, bà T thanh toán toàn bộ các khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, các phí, chi phí phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng số: 2808- LAV - 201804851 ngày 21/12/2018 cụ thể: Tiền nợ gốc: 80.000.000 đồng; Tiền nợ lãi tính đến hết ngày 10/9/2020 là: 20.634.658 đồng, trong đó lãi trong hạn là: 15.180.411 đồng, lãi quá hạn là: 5.454.247 đồng và lãi quá hạn phát sinh trên số tiền

gốc kể từ ngày 11/9/2020 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên.

Trường hợp vợ chồng anh T, chị D, ông M, bà T không trả hết nợ thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền xử lý tài sản bảo đảm là: Thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10; diện tích 534,5m<sup>2</sup> (theo GCNQSDĐ diện tích đất là 602m<sup>2</sup> tuy nhiên qua đo đạc thẩm định tại chỗ diện tích sử dụng thực tế là 534,5m<sup>2</sup>, ngân hàng đồng ý và chỉ đề nghị xử lý đối với diện tích sử dụng thực tế) cùng tài sản gắn liền với đất: 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 80m<sup>2</sup> và toàn bộ các tài sản khác gắn liền với đất, GCNQSDĐ số U492028 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh V cấp ngày 24/6/2002 đứng tên hộ ông Triệu Văn M, địa chỉ: Khu 10, xã Tr, huyện L, tỉnh V để thu hồi nợ.

Bị đơn anh Triệu Văn T tại phiên tòa vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai ngày 27/5/2020 anh trình bày: Năm 2018, anh đại diện cho gia đình vay vốn của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Phòng giao dịch Tr số tiền 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất cho vay là 11%/năm. Khi ký kết xong hợp đồng tín dụng, anh đã nhận đủ số tiền 150.000.000đồng. Để đảm bảo khoản vay, gia đình anh có thể chấp Thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10; diện tích 602m<sup>2</sup> cùng tài sản gắn liền với đất: 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 80m<sup>2</sup>, GCNQSDĐ số U492028 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh V cấp ngày 24/6/2002 đứng tên hộ ông Triệu Văn M, địa chỉ: Khu 10, xã Tr, huyện L, tỉnh V. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh đã nộp tiền lãi cho ngân hàng được 03 tháng. Sau đó, do bố anh bị bệnh, vợ anh thường xuyên đau ốm nên kinh tế gia đình gặp khó khăn, gia đình không trả được lãi và gốc đúng hạn cho ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện gia đình anh, anh đồng ý trả hết số tiền gốc còn lại và số tiền lãi cho Ngân hàng.

Đồng bị đơn: Ông Triệu Văn M vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2020 ông trình bày: Ông là bố đẻ của anh T. Năm 2018, gia đình ông có ủy quyền cho anh T vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch Tr số tiền 150.000.000đồng. Tuy nhiên, việc vay vốn cụ thể như thế nào, lãi suất, thời hạn vay là do anh T thực hiện với ngân hàng ông không nắm rõ. Để đảm bảo cho khoản vay, gia đình ông đã thế chấp 01 căn nhà cấp bốn diện tích 80m<sup>2</sup> và 602m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10 tại thôn Đ, xã Tr, huyện L, được cấp giấy chứng nhận đứng tên ông. Quá trình thực hiện việc vay vốn, anh T có chậm trả lãi cho Ngân hàng, ông cũng đã đôn đốc anh T tuy nhiên gia đình ông gặp nhiều khó khăn, các thành viên trong gia đình thường xuyên đau ốm nên không trả được gốc và lãi cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu gia đình ông trả lại cho Ngân hàng số tiền gốc còn lại

và lãi suất cùng các khoản lãi, phí, chi phí phát sinh cho đến khi tất toán khoản vay ông đồng ý. Tuy nhiên, hiện nay gia đình ông khó khăn nên ông đề nghị Ngân hàng cho ông khất đến 10/9/2020 gia đình ông trả cho Ngân hàng 70.000.000 đồng tiền gốc, đến 30/5/2021 gia đình ông sẽ thanh toán toàn bộ gốc và lãi cho Ngân hàng, ông xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đồng bị đơn chị Triệu Thị D vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2020 chị D trình bày: Chị là vợ của anh T, việc gia đình chị vay mượn tiền, thế chấp tài sản Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Phòng giao dịch Tr đúng như ông M trình bày. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu gia đình chị trả lại cho Ngân hàng số tiền gốc còn lại và lãi suất cùng các khoản lãi, phí, chi phí phát sinh cho đến khi tất toán khoản vay chị đồng ý trả, phương thức trả như ông M trình bày. Chị xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phùng Thị Th vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị trình bày: chị là vợ anh Triệu Văn T, chị kết hôn với anh T từ năm 2014, sau khi kết hôn chị về ở với gia đình anh T, ông M, bà T, anh T, chị D trên cùng thửa đất đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên ông M. Việc vay nợ của anh T, chị D, ông M, bà T với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Phòng giao dịch Tr như thế nào thì chị không rõ, chị không biết và không liên quan gì đến việc vay nợ này. Năm 2019 vợ chồng chị có làm thêm 01 nhà ngang khoảng 60m<sup>2</sup> trên diện tích đất của gia đình, khi làm nhà vợ chồng chị có biết việc diện tích đất này và toàn bộ tài sản trên đất đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của anh T tại Ngân hàng. Trường hợp anh T không trả được nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản đảm bảo là toàn bộ thửa đất đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên ông M và các tài sản trên đất chị không có ý kiến gì.

Đồng bị đơn bà Bùi Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Triệu Văn T trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng bà T, anh T đều vắng mặt không có lý do

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định về thủ lý vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Do anh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng Agribank buộc anh T tới cùng các thành viên trong gia đình gồm ông M, bà T, chị D phải trả Ngân hàng Agribank tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 01/9/2020 là: 100.634.658 đồng (Một trăm triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn sáu trăm năm mươi

tám đồng), trong đó nợ tiền gốc là: 80.000.000đ, lãi trong hạn là: 15.180.411đồng, lãi quá hạn là: 5.454.247đồng. Nếu anh T, chị D, ông M, bà T không thanh toán được số nợ trên cần xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu vợ chồng anh Triệu Văn T, chị Triệu Thị D, ông Triệu Văn M, bà Bùi Thị T trả lại Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ lại theo hợp đồng tín dụng đã ký. Tòa án nhân dân huyện L đã thụ lý xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp hợp đồng tín dụng” và giải quyết theo khoản 3 Điều 26 và Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa đồng bị đơn là anh Triệu Văn T, bà Bùi Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Triệu Văn T, chị Phùng Thị Th vắng mặt lần 2 không có lý do, ông M, chị D xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt bà T, anh T, anh T, chị Th.

Xét về chủ thể tham gia ký kết hợp đồng tín dụng đều đúng quy định của pháp luật và đủ năng lực hành vi dân sự. Việc ký kết hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng pháp luật về hình thức và nội dung.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng: Theo nội dung hợp đồng tín dụng số 2808 - LAV - 201804851 ngày 21/12/2018 được ký kết giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch Tr, chi nhánh huyện L, tỉnh V và anh Triệu Văn T, anh T đã vay của Ngân hàng số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Số tiền này Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên cho vay và giải ngân theo đúng thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng anh T đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng, không trả được đầy đủ nợ gốc, nợ lãi khi đến hạn. Ngày 21/12/2019 anh T phải trả toàn bộ số nợ gốc là 150.000.000đồng, nhưng thời điểm đó, anh T vẫn không trả cho Ngân hàng số tiền này nên khoản vay đã chuyển nợ quá hạn từ thời điểm: 22/12/2019. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở anh T trả nợ nhưng anh T vẫn không trả đầy đủ. Kể từ khi vay vốn cho đến nay anh T mới trả số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/9/2020) là: 11.478.082 đồng, sau khi Ngân hàng khởi kiện anh T đã trả cho Ngân hàng được số tiền gốc là: 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng và anh T,

tuy nhiên, các thành viên trong hộ gia đình gồm ông M, bà T và chị D có ủy quyền cho anh T đứng ra vay vốn của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Phòng giao dịch Tr nên Ngân hàng khởi kiện cả anh T, ông M, bà T, chị D là có căn cứ. Như vậy, việc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu anh T, chị D, ông M, bà T phải trả số nợ gốc còn lại và số lãi tính đến ngày 10/9/2020 theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ nên được chấp nhận. Cần buộc anh Triệu Văn T, chị Triệu Thị D, ông Triệu Văn M và bà Bùi Thị T phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/9/2020 là: 100.634.658đồng(Một trăm triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng), trong đó nợ tiền gốc là: 80.000.000đ, lãi trong hạn là: 15.180.411đồng, lãi quá hạn là: 5.454.247đồng. Kể từ ngày 11/9/2020, anh T, chị D, ông M, bà T tiếp tục phải chịu lãi suất quá hạn như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên.

## [2.2] Về hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay đối với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, phía bị đơn là anh Triệu Văn T, chị Triệu Thị D, ông Triệu Văn M, bà Bùi Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Triệu Văn T đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số: 273966170/HĐTC/2017 ngày 12/12/2017 và phụ lục hợp đồng thế chấp số:273966170/PLHĐTC/2018 ngày 19/12/2018, tài sản thế chấp là: Thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10; diện tích 602m<sup>2</sup> cùng tài sản gắn liền với đất: 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 80m<sup>2</sup>, xây dựng năm 2009, GCNQSDĐ số U492028 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh V cấp ngày 24/6/2002 đứng tên hộ ông Triệu Văn M, địa chỉ: Khu 10 (thôn Đ), xã Tr, huyện L, tỉnh V. Xét thấy, trong hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên tài sản thế chấp là diện tích đất là 602m<sup>2</sup> và 01 ngôi nhà cấp bốn 80m<sup>2</sup> (hiện trạng 61,6m<sup>2</sup>) xây dựng năm 2009. Nhưng qua xem xét thẩm định tại chỗ diện tích đất hiện trạng là 534,5m<sup>2</sup> (đại diện Ngân hàng đồng ý với diện tích đất này), trên đất ngoài ngôi nhà cấp bốn xây năm 2009 diện tích 61,6m<sup>2</sup> còn có 01 ngôi nhà cấp bốn 04 gian lợp ngói xây dựng năm 2004 diện tích 61,3m<sup>2</sup>, 01 nhà ngang đồ mái 70m<sup>2</sup> xây dựng năm 2019, 01 nhà bếp + nhà vệ sinh 27,5m<sup>2</sup> xây dựng năm 2016, 01 mái tôn 64,1m<sup>2</sup> làm năm 2016 và một số cây cối lâm lộc trên đất. Theo quy định tại khoản 1 Điều 325 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “ *Trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất và người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì tài sản được xử lý bao gồm cả tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Qua xem xét hợp đồng thế chấp hai bên không thỏa thuận khác, qua xác minh tại địa phương thì tất cả những tài sản trên đất của thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10 GCNQSDĐ số U492028 do Ủy ban nhân dân huyện L,

tỉnh V cấp ngày 24/6/2002 đều thuộc quyền sở hữu của anh T, chị D, ông M, bà T và anh T. Đối với 01 nhà ngang đồ mái 70m<sup>2</sup> xây dựng năm 2019 chị Th xác định là do vợ chồng chị xây dựng, tại thời điểm xây dựng chị và anh T đều biết là diện tích đất xây nhà đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của anh T tại Ngân hàng, mặt khác chị xác định trường hợp anh T không trả được nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản là diện tích đất và toàn bộ tài sản trên đất chị không có ý kiến gì. Vì vậy, những tài sản trên đất không nêu trong hợp đồng thế chấp gồm: 01 ngôi nhà cấp bốn 04 gian lợp ngói xây dựng năm 2004 diện tích 61,3m<sup>2</sup>, 01 nhà ngang đồ mái 70m<sup>2</sup> xây dựng năm 2019, 01 nhà bếp + nhà vệ sinh 27,5m<sup>2</sup> xây dựng năm 2016, 01 mái tôn 64,1m<sup>2</sup> làm năm 2016, 01 mái tôn diện tích 14,3m<sup>2</sup> và một số cây cối lâm lộc trên đất đều được xử lý cùng tài sản thế chấp. Hợp đồng thế chấp trên đảm bảo có hiệu lực của hợp đồng, do đó phát sinh các quyền và nghĩa vụ của các bên. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay của anh Triệu Văn T tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng là tài sản hợp pháp của các thành viên trong gia đình gồm vợ chồng anh T, chị D, ông M, bà T và anh T. Tất cả các thành viên trong gia đình đều ký kết vào hợp đồng thế chấp, phụ lục hợp đồng thế chấp và đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Mục đích và nội dung của hợp đồng thế chấp hoàn toàn tự nguyện. Hợp đồng thế chấp đều được công chứng tại Văn phòng công chứng Quang Minh và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh L theo đúng quy định của pháp luật. Hiện tại, ông M, bà T, vợ chồng anh T, chị D, vợ chồng anh T, chị Th đang ở và quản lý toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên. Do đó, trường hợp anh T, chị D, ông M, bà T không trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì Ngân hàng có quyền yêu cầu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền xử lý các tài sản bảo đảm trên để thu hồi nợ.

Đối với đồng bị đơn là bà Bùi Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Triệu Văn T, chị Phùng Thị Th đã nhiều lần được Tòa án triệu tập hợp lệ, bà T, anh T, chị Th biết việc Ngân hàng khởi kiện, biết mình được triệu tập nhưng cố tình vắng mặt thể hiện sự trốn tránh nghĩa vụ trả nợ của bà T và không tôn trọng pháp luật của anh T, chị Th.

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng đã nộp tạm ứng: 5.000.000 đồng để xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, Tòa án đã chi phí hết số tiền 5.000.000 đồng. Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên buộc anh T, chị D, ông M, bà T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên anh T, chị D, ông M, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ngân hàng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam đối với anh Triệu Văn T, chị Triệu Thị D, ông Triệu Văn M và bà Bùi Thị T.

Buộc anh Triệu Văn T, chị Triệu Thị D, ông Triệu Văn M và bà Bùi Thị T phải thanh toán trả cho Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/9/2020 là 100.634.658 đồng (Một trăm triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng), trong đó nợ tiền gốc là: 80.000.000đ, lãi trong hạn là: 15.180.411đồng, lãi quá hạn là: 5.454.247đồng. Kể từ ngày 11/9/2020, anh T, chị D, ông M, bà T tiếp tục phải chịu lãi suất quá hạn như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 2808 -LAV - 201804851 ngày 21/12/2018 được ký kết giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và anh Triệu Văn T đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp anh T, chị D, ông M, bà T không trả hết nợ thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền xử lý tài sản bảo đảm là: Thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10; diện tích 534,5m<sup>2</sup> cùng tài sản gắn liền với đất: 01 ngôi nhà cấp bốn diện tích 61,6m<sup>2</sup>, 01 ngôi nhà cấp bốn 04 gian lợp ngói diện tích 61,3m<sup>2</sup>, 01 nhà ngang đồ mái 70m<sup>2</sup>, 01 nhà bếp + nhà vệ sinh 27,5m<sup>2</sup>, 01 mái tôn 64,1m<sup>2</sup>, 01 mái tôn diện tích 14,3m<sup>2</sup> và một số cây cối lâm lộc trên đất GCNQSDĐ số U492028 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh V cấp ngày 24/6/2002 đứng tên hộ ông Triệu Văn M, địa chỉ: Khu 10 (thôn Đ), xã Tr, huyện L, tỉnh V để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, anh T, chị D, ông M và bà T tiếp tục trả gốc, lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi hết nợ.

Anh T, chị D, ông M, bà T phải trả lại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000đồng (Năm triệu đồng).

- Về án phí: Anh T, chị D, ông M, bà T phải chịu 5.031.000đồng (Năm Triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân



hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 4.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0007721 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kết từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký và đóng dấu**

**Ngô Thị Minh Hiệp**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Trung Thành**

**Đặng Thị Liễu**

**Ngô Thị Minh Hiệp**